HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC ISRAEL

VỀ HỢP TÁC KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Israel (dưới đây được gọi là "các Bên"),

NHẬN THỨC rằng hợp tác kinh tế và thương mại là nhân tố quan trọng và không thể thiếu được trong việc phát triển quan hệ song phương trên cơ sở ổn định, bình đẳng và lâu dài;

MONG MUỐN phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi;

NỖ LỰC tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển quan hệ giữa các tổ chức kinh tế của hai nước và thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại trong các lĩnh vực hai bên cùng quan tâm;

QUYẾT TÂM phát triển quan hệ thương mại phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT 1994);

ĐÃ THOẢ THUẬN như sau:

Điều 1
Mục đích

Mục đích của Hiệp định này là thiết lập các nguyên tắc, quy chế và kỷ luật nhằm điều chỉnh quan hệ kinh tế thương mại song phương giữa hai Bên. Hai Bên cam kết thúc đẩy và phát triển hài hoà hoạt động thương mại song phương cũng như các hình thức hợp tác kinh tế thương mại đa dạng trong khuôn khổ pháp luật và các nghĩa vụ quốc tế của mỗi nước trong đó có việc dỡ bỏ các rào cản thương mại.

Điều 2
Đãi ngộ Tối huệ quốc

1. Các Bên dành cho nhau chế độ đãi ngộ Tối huệ quốc trong tất cả các vấn đề liên quan tới:

   a) thuế hải quan và các loại phí khác áp dụng với hàng hoá nhập khẩu hoặc xuất khẩu cũng như phương thức thu các loại thuế hải quan và phí này;

   b) các quy định pháp luật, thủ tục và tập quán liên quan đến thủ tục hải quan, quá cảnh, lưu kho và chuyển tải;

   c) các loại thuế trong nước và tất cả các loại phí khác áp dụng trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hàng nhập khẩu;

   d) các phương thức thanh toán áp dụng trong khuôn khổ thực hiện Hiệp định này và phương thức chuyển tiền;

   e) các quy định pháp luật, thủ tục và tập quán liên quan tới việc bán, mua, vận tải, phân phối, lưu kho và sử dụng hàng nhập khẩu tại thị trường trong nước.

2. Trong tất cả các vấn đề liên quan tới giấy phép xuất nhập khẩu mà luật pháp của mỗi Bên yêu cầu phải có, mỗi Bên dành cho Bên kia đãi ngộ không kém ưu đãi hơn mức ưu đãi cao nhất dành cho bất kỳ nước thứ ba nào.

3. Mỗi Bên sẽ không phân biệt đối xử đối với hàng hoá nhập khẩu từ hoặc xuất khẩu đến lãnh thổ nước Bên kia trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế số lượng, và việc cấp giấy phép.

4. Bên đưa ra các biện pháp như ở trong khoản 2 hoặc khoản 3 phải thực hiện các biện pháp đó theo một phương thức sao cho gây tổn thất ít nhất cho Bên kia.

Điều 3
Miễn trừ MFN

Các quy định của Điều 2 sẽ không áp dụng cho:

1. các ưu đãi mà mỗi Bên đã hoặc sẽ dành cho các nước láng giềng nhằm tạo thuận lợi cho buôn bán qua biên giới;

2. các ưu đãi hoặc lợi thế thuộc các chương trình dành cho các nước đang phát triển tham gia nhằm mở rộng hợp tác kinh tế - thương mại giữa các nước đang phát triển mà một Bên đã hoặc sẽ tham gia;

3. các ưu đãi hoặc lợi thế xuất phát từ hoạt động của một liên minh quan thuế, khu vực mậu dịch tự do hay tổ chức kinh tế khu vực mà mỗi Bên đang hoặc sẽ tham gia.

Điều 4
Đãi ngộ quốc gia

1. Hàng hóa từ lãnh thổ của một Bên nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên kia sẽ được đối xử không kém ưu đãi hơn hàng hóa trong nước cùng loại về các mặt thuế trong nước và các loại phí trong nước khác và tất cả các điều luật, quy chế và quy định liên quan đến việc bán, chào bán, mua, vận tải, phân phối hoặc sử dụng các loại hàng hoá đó trên thị trường nội địa theo quy định của Điều III của GATT 1994.

2. Các quy định tại khoản 1 của Điều này không áp dụng đối với:

   a) thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho xe chở người dưới 12 chỗ ngồi, nguyên liệu thuốc lá, xì gà nhập khẩu;
   b) phụ thu đối với sắt thép nhập khẩu;

3. Việc áp dụng chế độ đãi ngộ quốc gia đối với các mặt hàng nêu ở mục 2a, 2b sẽ thực hiện theo cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới.

Điều 5
Quá cảnh

1. Các Bên đồng ý rằng nguyên tắc tự do quá cảnh hàng hoá là một điều kiện thiết yếu nhằm đạt được mục đích của Hiệp định này.

2. Về vấn đề này, mỗi Bên sẽ cho phép quá cảnh không hạn chế qua lãnh thổ nước mình đối với hàng hoá đi từ hoặc đi đến lãnh thổ hải quan của Bên kia theo quy định tương ứng của luật pháp của nước đó.

Điều 6
Các điều kiện mua bán khác

1. Các tổ chức kinh tế của hai Bên sẽ thực hiện các giao dịch mua bán hàng hoá dựa trên giá thị trường và các Bên không can thiệp vào giá của từng giao dịch. Đặc biệt, các cơ quan và doanh nghiệp Nhà nước thực hiện việc mua hàng nhập khẩu và bán hàng xuất khẩu chỉ tuân theo các điều kiện thương mại bao gồm giá cả, chất lượng và số lượng. Trong trường hợp một tổ chức kinh tế của một Bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, điều hành hoặc vốn của tổ chức kinh tế của Bên kia, hoặc cùng một pháp nhân và/hoặc thể nhân tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, điều hành hoặc vốn của tổ chức kinh tế của cả hai Bên, thì các điều kiện về quan hệ thương mại giữa các tổ chức kinh tế đó sẽ được coi như là các điều kiện về quan hệ thương mại giữa các tổ chức kinh tế độc lập.

2. Các Bên không được yêu cầu các tổ chức kinh tế nước mình mua bán theo phương thức đổi hàng. Trong trường hợp phương thức đổi hàng được sử dụng trong mua sắm của Chính phủ thì mỗi Bên sẽ cho nhà cung cấp của Bên kia được hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc và các cơ hội tham gia bình đẳng.

Điều 7
Thanh toán

Việc thanh toán giữa hai nước đối với buôn bán hàng hoá và dịch vụ liên quan đến buôn bán hàng hoá được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, trừ khi có thoả thuận cụ thể khác giữa các tổ chức kinh tế riêng rẽ, phù hợp với pháp luật của mỗi Bên về quản lý ngoại hối.

Điều 8
Tạo thuận lợi cho việc tham gia các Hội chợ thương mại

1. Trong khuôn khổ Hiệp định này, các Bên sẽ tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy việc tham gia của một Bên vào các hội chợ và triển lãm quốc tế được tổ chức ở lãnh thổ nước Bên kia.

2. Các Bên sẽ cho phép xuất khẩu và nhập khẩu miễn thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc các loại thuế và phí tương tự khác đối với các hàng hoá sau:

   a) hàng mẫu và các vật liệu quảng cáo không có giá trị thương mại;

   b) vật phẩm dùng cho hội chợ và triển lãm;

   c) các công-ten-nơ chuyên dụng và bao bì sử dụng trong thương mại quốc tế với điều kiện chúng phải được tái xuất.

3. Hàng hoá và thiết bị nêu ở khoản 2 sẽ không được bán hoặc xử lý ở nước mà chúng được nhập vào và sẽ phải tái xuất khỏi nước đó trừ khi trước đó đã xin giấy phép của cơ quan có thẩm quyền của nước đó và đã nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế nếu có theo quy định của pháp luật hiện hành ở nước đó.

Điều 9
Hợp tác kinh tế

1. Các Bên sẽ thúc đẩy việc trao đổi thông tin vì mục đích phát triển hợp tác kinh tế và thương mại song phương, đặc biệt về luật pháp và thủ tục thương mại và thông tin thống kê.

2. Các Bên đồng ý thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại bằng việc đưa ra các biện pháp tăng cường thương mại song phương, bao gồm:

- Tổ chức và đăng cai các hội chợ, triển lãm, hội nghị, quảng cáo, tư vấn và các dịch vụ mua bán khác;
- Phát triển các mối liên hệ giữa các doanh nghiệp, các hiệp hội các nhà sản xuất, Phòng Thương mại và các hiệp hội kinh doanh khác của hai Bên;
- Phát triển hợp tác kinh tế và công nghiệp hỗn hợp, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và nông-công nghiệp cũng như trong các lĩnh vực cơ khí và xây dựng, đào tạo, viễn thông, y tế, thiết bị y tế, giáo dục, hệ thống thiết bị an ninh và các lĩnh vực công nghệ cao khác.

Điều 10
Miễn trừ chung

Các quy định của Hiệp định này sẽ không hạn chế quyền của mỗi Bên áp dụng hoặc thực hiện các biện pháp:

a) vì lý do sức khoẻ cộng đồng, đạo đức, trật tự hoặc an ninh và bảo vệ môi trường;

b) để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khoẻ của con người, động vật hoặc thực vật;

c) nhằm bảo vệ tài sản quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử hoặc khảo cổ;

với điều kiện các biện pháp này không được biến thành phương tiện phân biệt đối xử một cách tùy tiện hoặc vô lý hoặc hạn chế ngầm thương mại giữa hai Bên.

Điều 11
Các quy định về Cán cân thanh toán

1. Các Bên sẽ cố gắng tránh áp dụng các biện pháp hạn chế trong đó có hạn chế nhập khẩu nhằm mục đích cân bằng cán cân thanh toán.

2. Khi một Bên gặp khó khăn hoặc có nguy cơ thực sự gặp khó khăn nghiêm trọng về cán cân thanh toán, Bên đó có quyền áp dụng các biện pháp hạn chế trong một thời hạn nhất định và không được vượt quá mức cần thiết để khắc phục khó khăn về cán cân thanh toán.

3. Các biện pháp trên sẽ được giảm dần theo mức độ cải thiện cán cân thanh toán và sẽ được huỷ bỏ khi không còn lý do tồn tại.

4. Các biện pháp được áp dụng theo khoản 2 sẽ không được sử dụng để bảo vệ các ngành hoặc các lĩnh vực riêng rẽ.

5. Bên liên quan phải thông báo ngay cho Bên kia về việc áp dụng các biện pháp hạn chế và, trong các trường hợp có thể, thời gian huỷ bỏ các biện pháp đó.

6. Khi áp dụng các biện pháp tạm thời liên quan đến thương mại, các Bên sẽ dành cho hàng hoá nhập khẩu từ Bên kia sự đãi ngộ không kém ưu đãi hơn hàng hoá nhập khẩu từ nước thứ ba.

Điều 12
Các biện pháp khẩn cấp

1. Các Bên sẽ tổ chức tham vấn ngay khi có yêu cầu của một trong hai Bên khi sản phẩm nhập khẩu xuất sứ từ lãnh thổ của Bên kia gây ra hoặc đe doạ gây ra thiệt hại cho các nhà sản xuất trong nước sản xuất sản phẩm cùng loại hoặc sản phẩm cạnh tranh trực tiếp, nhằm tìm ra giải pháp tức thời cho các vấn đề phát sinh.

2. Nếu sau khi tham vấn trong một khoảng thời gian hợp lý các Bên không đi đến thống nhất về biện pháp ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại, Bên nhập khẩu có quyền áp dụng các biện pháp thích hợp điều chỉnh việc nhập khẩu sản phẩm đó với mức độ và thời gian cần thiết để ngăn chặn thiệt hại xảy ra.

3. Trong các trường hợp nguy cấp cần phải có các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hoặc khắc phục các thiệt hại, Bên nhập khẩu có quyền áp dụng các biện pháp thích hợp mà không cần tham vấn trước, với điều kiện ngay sau khi áp dụng các biện pháp đó Bên áp dụng phải đề nghị với Bên kia tổ chức tham vấn.

4. Khi lựa chọn các biện pháp theo Điều khoản này, các Bên phải cố gắng ưu tiên những biện pháp gây xáo trộn ít nhất cho việc thực hiện Hiệp định này.

Điều 13
Đại diện thương mại

Mỗi Bên, theo quy định của pháp luật hiện hành ở mỗi nước, cho phép thành lập các văn phòng thương mại của các pháp nhân của Bên kia trên lãnh thổ nước mình, và sẽ dành cho các văn phòng đó sự đãi ngộ không kém ưu đãi hơn sự đãi ngộ dành cho các văn phòng thương mại của các pháp nhân của nước thứ ba.

Điều 14
Sở hữu trí tuệ

1. Xét tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế và thương mại, luật pháp của mỗi Bên đảm bảo bảo vệ đầy đủ và hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ, trong đó đặc biệt bảo vệ đầy đủ và hiệu quả quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại, nhãn hiệu và tên gọi có xuất xứ địa lý, bằng sáng chế, phát minh, kiểu dáng công nghiệp, sơ đồ mạch tích hợp và thông tin kín về bí quyết.

2. Các Bên sẽ nỗ lực cao nhất trong việc tham gia các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 15
Tiêu chuẩn

1. Mỗi Bên, theo yêu cầu của Bên kia, phải cung cấp thông tin về các biện pháp liên quan đến tiêu chuẩn.

2. Các Bên sẽ hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn trong đó có tiêu chuẩn về chất lượng nhằm mục đích giảm hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Điều 16
Uỷ ban Hỗn hợp

1. Các Bên đồng ý thành lập Uỷ ban Hỗn hợp về Hợp tác Kinh tế và Thương mại (dưới đây được gọi là "Uỷ ban") với mục đích tạo thuận lợi cho việc thực hiện Hiệp định này. Uỷ ban sẽ họp luân phiên tại Việt Nam và Israel theo yêu cầu một trong các Bên. Thời gian họp sẽ do hai Bên cùng nhau quyết định.

2. Uỷ ban sẽ:

a) kiểm điểm quá trình thực hiện Hiệp định và xem xét áp dụng các biện pháp nhằm thực hiện các quy định của Hiệp định;

b) kiểm điểm quá trình phát triển và mở rộng quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước;

c) tìm kiếm khả năng tăng cường và đa dạng hoá các quan hệ kinh tế và thương mại trong đó có hợp tác về công nghiệp và đầu tư trên cơ sở cùng có lợi, và xác định các lĩnh vực hợp tác mới;

d) tham vấn về các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước;

e) soạn thảo và đệ trình lên các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên các nội dung cần sửa đổi đối với Hiệp định này nhằm bao quát các tiến triển mới.

Ngoài ra còn các vấn đề khác.

3. Trên cơ sở đồng thuận, Uỷ ban sẽ đệ trình lên các Bên báo cáo và kiến nghị liên quan tới các vấn đề trên.

Điều 17
Tham vấn

1. Các Bên sẽ cố gắng giải quyết mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình giải thích và thực hiện Hiệp định này thông qua tham vấn tại Uỷ ban hỗn hợp.

2. Mỗi Bên có thể đưa ra Uỷ ban hỗn hợp bất kỳ vấn đề nào mà bên đó thấy không phù hợp với việc thực hiện Hiệp định này.

3. Các Bên phải cung cấp cho Uỷ ban hỗn hợp mọi thông tin có liên quan cần thiết cho việc xem xét một cách kỹ lưỡng các tranh chấp nhằm tìm ra giải pháp chấp nhận được cho cả hai Bên.

Điều 18
Sửa đổi Hiệp định

1. Hiệp định này có thể được sửa đổi vào bất kỳ thời điểm nào trên cơ sở đồng thuận giữa hai Bên. Việc sửa đổi sẽ có hiệu lực theo các thủ tục được nêu trong khoản 1 điều 19.

2. Việc sửa đổi hay chấm dứt Hiệp định này không được ảnh hưởng tiêu cực hoặc, trong mọi trường hợp, gây tổn hại tới các quyền hoặc nghĩa vụ đã hoặc sẽ phát sinh từ việc thực hiện Hiệp định này trước ngày việc sửa đổi hay chấm dứt đó có hiệu lực.

Điều 19
Hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo ngày của công hàm ngoại giao cuối cùng trong đó các Bên thông báo cho nhau biết các thủ tục pháp lý cho việc có hiệu lực của Hiệp định theo yêu cầu của luật pháp của mỗi nước đã được hoàn tất.

2. Hiệp định sẽ có hiệu lực trong thời hạn là năm năm và sau đó sẽ tự động được gia hạn với những thời hạn tương tự. Tuy nhiên, một Bên có thể chấm dứt Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào thông qua việc thông báo cho Bên kia bằng văn bản qua đường ngoại giao ý định của mình muốn chấm dứt Hiệp định. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định này sẽ hết hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày của thông báo nêu trên.

3. Sau khi Hiệp định này chấm dứt, những quy định của Hiệp định này sẽ tiếp tục được áp dụng đối với các hợp đồng được ký kết trong thời hạn hiệu lực của Hiệp định mà chưa thực hiện xong vào ngày Hiệp định hết hiệu lực.

Để làm bằng, những người được uỷ quyền hợp thức của Chính phủ mỗi bên đã ký tên và đóng dấu Hiệp định này thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Hê-brơ và tiếng Anh, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau về các quy định của Hiệp định này, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

Làm tại Hà Nội ngày 25 tháng 8 năm 2004, tức ngày 8 tháng ELUL năm 5764.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC ISRAEL
MAI ÁI TRỰC	ELIEZER SANDBERG
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ trưởng Bộ Cơ sở Hạ tầng

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE STATE OF ISRAEL

ON TRADE AND ECONOMIC COOPERATION

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the State of Israel (hereinafter referred to as the "Parties"),

RECOGNIZING that trade and economic cooperation are important and indispensable factors in the development of bilateral relations on a stable, equitable and long term basis;

DESIRING to develop trade and economic relations between the two countries on the basis of equality and mutual benefit;

STRIVING to create favourable conditions for the development of contacts between economic entities of both countries and for the promotion of commercial and economic cooperation in areas of mutual interest;

RESOLVED to develop their trade relations in accordance with the basic principles of the General Agreement on Tariffs and Trade (GATT 1994);

HAVE AGREED as follows:

Article 1
Objective

The objective of this Agreement is to establish principles, rules and disciplines for the conduct of mutual trade and economic relations between the Parties. The Parties undertake, within the framework of their internal legislation and international obligations, to promote and harmoniously develop bilateral trade as well as various forms of commercial and economic cooperation, including the removal of trade barriers.

Article 2
MFN Treatment

1. The Parties shall grant each other most-favoured nation treatment in all matters relating to:

   (a) customs duties and any other charges applicable to importation or exportation of goods, as well as methods of levying such duties, and charges;

   (b) legal provisions, procedures and practices pertaining to customs clearance, transit, storage and transshipment;

   (c) internal taxes and other charges of any kind applicable directly or indirectly to imported goods;

   (d) methods affecting payments arising from the implementation of this Agreement and transfer of such payments;

   (e) legal provisions, procedures and practices pertaining to the sale, purchase, transportation, distribution, storage and use of imported goods in the domestic market.

2. In all matters relating to import and export licenses or permission where such licenses or permissions are prescribed under its domestic law, each Party shall grant to the other Party treatment not less favourable than the most favourable treatment granted to any third country.

3. Each Party shall grant non-discriminatory treatment to the import of goods from or export to the territory of the other Party, regarding the application of quantitative restrictions, and the granting of licences.

4. The Party which introduces measures within the meaning of paragraphs 2 or 3 shall implement them in a manner which causes minimal harm to the other Party.

Article 3
Exemption from MFN

The provisions of Article 2 shall not apply to:

1. advantages which each of the Parties has granted or may grant its neighbouring countries to facilitate border trade;

2. advantages or preferences under any scheme for the expansion of trade and economic cooperation among developing countries, which is open for participation by developing countries and to which either Party is or may become a party;

3. advantages or preferences which may result from the operation of a customs union, free trade area and regional economic organization, in which each Party is participating or may participate.

Article 4
National Treatment

1. The goods of the territory of one Party imported into the territory of the other Party shall be accorded treatment no less favourable than that accorded to like goods of national origin in respect of internal taxes and other internal charges and all laws, regulations and requirements affecting their internal sale, offering for sale, purchase, transportation, distribution or use in accordance with Article III of GATT 1994.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article are not applied to the following:

   (a) special consumption tax on vehicles under 12 seats, inputs of production of cigarettes, and cigars;

   (b) supplemental tax on imported metals;

3. The application of the National Treatment to such items mentioned in sub-paragraphs 2a, 2b shall be in accordance with commitments of Viet Nam when it joins the World Trade Organization.

Article 5
Transit

1. The Parties agree that the principle of free transit of goods is an essential condition of attaining the objectives of this Agreement.

2. In this connection, each Party shall provide for unrestricted transit via or through its territory of goods originating in the customs territory or destined for the customs territory of the other Party in accordance with its relevant domestic laws.

Article 6
Other Business conditions

1. Goods shall be traded between economic entities of the Parties at market-related prices and the Parties shall not interfere in the prices of individual transactions. In particular, state agencies and state enterprises shall make any purchases of imports or sales of exports solely in accordance with commercial considerations including price, quality and quantity. In cases when an economic entity of one Party participates directly or indirectly in the management, control or capital of an economic entity of the other Party, or the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of economic entities in both parties, the conditions of the commercial relations between them shall be as between independent economic entities.

2. Neither Party will require its economic entities to engage in barter-trade transactions. In case of barter-trade in public procurements, each Party shall grant suppliers of the other Party most-favoured-nation treatment and equitable access opportunities.

Article 7
Payments

Payments in connection with trade in goods and related services between the two countries shall be made in freely convertible currencies, unless otherwise specifically agreed between individual economic entities, in accordance with the laws and regulations on foreign exchange of each Party.

Article 8
Facilitation of Participation in Trade Fairs

1. The Parties shall, for the purpose of this Agreement, facilitate and promote the participation of one Party in international fairs and exhibitions to be held in the territory of the other Party.

2. The Parties shall allow the import and export of the following items without imposing customs duties, value added tax, excise tax, or other taxes and charges having equivalent effect as follows:

   (a) samples and advertising material of no commercial value;

   (b) items for fairs and exhibitions;

   (c) special containers and packaging used in international trade on a return basis.

3. The goods and instruments referred to in paragraph 2 of this Article shall not be sold or disposed of in the country into which they are imported and shall be re-exported from that country unless prior permission of the competent authorities of that country has been received and payment of appropriate customs duties and taxes, if any, has been made in accordance with the laws and regulations prevailing in the respective country.

Article 9
Economic Cooperation

1. The Parties shall promote the exchange of information for the purpose of improving bilateral trade and economic cooperation, with particular regard to legislation and procedures affecting trade as well as to statistical information.

2. The Parties agree to promote trade and economic cooperation by means of measures aiming to improvement of mutual trade, including:

   - organization and holding of fairs, exhibitions, conferences, advertising, consultancy and other business services;

   - development of contacts between business entities, manufacturers associations, chambers of commerce and other business associations of both Parties;

- development of joint economic and industrial cooperation, in particular in the fields of agricultural and agro-industrial activities as well as in the engineering and construction, training, telecommunication, health, medical equipment, education, security equipment systems and other high-tech fields.

Article 10
General Exceptions

The provisions of this Agreement shall not limit the rights of each Party to adopt or execute such measures:

(a) for reason of public health, morals, order or security, and environmental protection;

(b) for the protection of human, animal or plant life or health;

(c) to protect national treasures of artistic, historical or archaeological value,

provided that such measures do not constitute means of arbitrary or unjustifiable discrimination or concealed limitation of trade between the Parties.

Article 11
Balance-of-Payments Provisions

1. The Parties shall endeavor to avoid the imposition of restrictive measures including measures relating to imports for balance of payment purposes.

2. Where one of the Parties is in serious balance of payments difficulties, or under imminent threat thereof, the Party concerned may, adopt restrictive measures, which shall be of limited duration and may not go beyond what is necessary to remedy the balance of payments situation.

3. The measures shall be progressively relaxed as balance of payments conditions improve, and they shall be eliminated when conditions no longer justify their maintenance.

4. The measures applied under Paragraph 2 shall not be used to protect individual industries or sectors.

5. The Party concerned shall inform the other Party forthwith of their introduction and, whenever practicable, of a time schedule for their removal.

6. In applying temporary trade measures, the Parties shall accord treatment no less favorable to imports originating in the other Party than to imports originating in third countries.

Article 12
Emergency Actions

1. The Parties shall consult promptly at the request of either Party whenever imports of products originating in the territory of the other Party causes or threatens to cause injury to domestic producers of like or directly competitive products, with the aim of finding immediate solutions to the problems raised.

2. If, as result of the said consultations, the Parties are unable to reach agreement within a reasonable period of time, on the means of preventing or remedying injury, the importing Party will be free to take appropriate measures relative to the import of the products concerned to the extent and for such time as is necessary to prevent occurrence of injury.

3. In critical circumstances, where emergency action is necessary to prevent or remedy such injury, the importing Party may take appropriate measures without prior consultation, on the condition that the consultation be offered immediately after taking such measures.

4. In the selection of measures under this Article, the Parties shall endeavour to give priority to those measures which cause the least disturbances to the functioning of this Agreement.

Article 13
Commercial Representation

Each Party shall permit, in accordance with the laws and regulations in force in each of the two countries, the establishment of commercial offices of juridical persons of the other Party within its territory, and shall accord a treatment to such offices no less favourable than that accorded to commercial offices of juridical persons of third countries.

Article 14
Intellectual Property

1. Considering the importance of intellectual property for the promotion of trade and economic cooperation, the legislation of each Party shall ensure full and effective protection of intellectual property rights, including in particular adequate and effective protection of copyright, trademarks, geographical indications, patents, inventions, industrial designs, topographies of integrated circuits and undisclosed information on know how.

2. The Parties shall make best endeavours to accede to international conventions in the field of protection of intellectual property rights.

Article 15
Standards

1. Each Party, upon request of the other Party, shall provide information on standard related measures.

2. The Parties will cooperate in the field of standards, including quality standards, with the aim to reduce technical barriers to trade.

Article 16
Joint Committee

1. The Parties agree to establish a Joint Committee on Trade and Economic Cooperation (hereafter referred to as the "Committee") with the objective of facilitating the implementation of this Agreement. The Committee shall meet upon request of either Party alternately in Viet Nam and Israel. The time of these meetings shall be jointly decided by the two Parties.

2. The Committee shall, *inter alia:*

   (a) review the implementation of this Agreement and consider measures which might be taken with a view to fulfilling its provisions;

   (b) review the development and expansion of trade and economic relations between the two countries;

   (c) explore the possibilities of increasing and diversifying trade and economic relations, including industrial and investment cooperation,

on the basis of mutual benefit, and identify new areas for such cooperation;

(d) consult regarding problems which may arise in the course of the development of economic and trade relations between the two countries;

(e) formulate and submit to the authorities of the Parties amendments to this Agreement in order to take account of new developments.

3. The Committee shall submit to the Parties reports and recommendations relating to the above matters, on the basis of mutual consent.

Article 17
Consultations

1. The Parties shall strive to settle all disputes arising out of the interpretation or implementation of this Agreement through consultations within the Joint Committee.

2. Either Party may refer any matter to the Joint Committee if it considers such a matter to be incompatible with the proper functioning of this Agreement.

3. The Parties shall supply the Joint Committee with all relevant information required for a thorough examination of any dispute with a view to seeking a solution acceptable to the Parties.

Article 18
Amendment of the Agreement

1. The Agreement may be amended at any time by mutual consent of the Parties. The amendments shall enter into force following the procedure stipulated in Paragraph 1 of Article 19.

2. The amendment or termination of this Agreement shall not adversely effect or in any way prejudice any right or obligations accrued to or to be incurred by virtue of the application of this Agreement prior to the effective date of such amendment or termination.

Article 19
Entry into Force of the Agreement

1. This Agreement shall enter into force on the first day of the month following the date of the latter of the diplomatic notes by which the Parties notify each other of the completion of the legal procedures required by their respective internal legislation for the entry into force of the Agreement.

2. This Agreement shall remain in force for a period of five years and thereafter it shall be automatically renewed for similar periods. However, either Party may terminate this Agreement at any time by notifying the other Party in writing through diplomatic channels of its intention to terminate the Agreement. In such case, the Agreement shall become null and void six months from the date of the above notification by the other Party.

3. After the termination of this Agreement, its provisions shall continue to be applied in respect of contracts concluded during its period of validity, but not fulfilled on the date of its termination.

In witness whereof the undersigned, being duly authorized by their respective Governments, signed and sealed this Agreement in two originals in the Vietnamese, Hebrew and English languages, all texts being equally authentic. In the case of divergence of interpretation of the provisions of this Agreement, the English text shall prevail.

Done at Hanoi on the 25th of August 2004 which corresponds to 8 ELUL 5764,

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE STATE OF ISRAEL
MAI AI TRUC	ELIEZER SANDBERG
Minister of Natural Resources and Environment	Minister of National Infrastructure